BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG CĐXDCT ĐÔ THỊ

Biểu mẫu 13

THÔNG BÁO

Công khai cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục
năm học 2023 – 2024

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 10	**Lớp 11**	**Lớp 12**
I	Điều kiện tuyển sinh	- Tốt nghiệp THCS - Xếp loại hạnh kiểm lớp 9: Khá trở lên	- Xếp loại học lực lớp 10: Trung bình trở lên - Xếp loại hạnh kiểm lớp 10: Khá trở lên	- Xếp loại học lực lớp 11: Trung bình trở lên - Xếp loại hạnh kiểm lớp 11: Khá trở lên - Cùng ngành nghề đang theo học
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	GDTX	GDTX	GDTX
III	Yêu cầu phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu thái độ học tập của học viên	- Phối hợp thường xuyên giữa gia đình và nhà trường. - Học sinh có thái độ học tập nghiêm túc, cầu tiến	- Phối hợp thường xuyên giữa gia đình và nhà trường. - Học sinh có thái độ học tập nghiêm túc, cầu tiến	- Phối hợp thường xuyên giữa gia đình và nhà trường. - Học sinh có thái độ học tập nghiêm túc, cầu tiến
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học viên ở cơ sở giáo dục	- Hoạt động thể thao, dân vũ, văn nghệ, dã ngoại trải nghiệm thực tế	- Hoạt động thể thao, dân vũ, văn nghệ, dã ngoại trải nghiệm thực tế	- Hoạt động thể thao, dân vũ, văn nghệ, dã ngoại trải nghiệm thực tế

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 10	**Lớp 11**	**Lớp 12**
V	Kết quả hạnh kiểm, học tập, sức khỏe của học viên dự kiến đạt được	- Hạnh kiểm Khá trở lên. - Học lực Trung bình trở lên. - Đủ sức khỏe về thể chất và tinh thần để học tập	- Hạnh kiểm Khá trở lên. - Học lực Trung bình trở lên. - Đủ sức khỏe về thể chất và tinh thần để học tập	- Hạnh kiểm Khá trở lên. - Học lực Trung bình trở lên. - Đủ sức khỏe về thể chất và tinh thần để học tập
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học viên	- Đủ trình độ, ý thức và sức khỏe để tiếp tục học tập	- Đủ trình độ, ý thức và sức khỏe để tiếp tục học tập	- Đủ trình độ, ý thức và sức khỏe để tiếp tục học tập

BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG CĐXDCT ĐÔ THỊ

Biểu mẫu 14

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của cơ sở giáo dục năm học 2023- 2024

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			Ghi chú
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp12	
I	**Số học viên thuộc diện xếp loại hạnh kiểm**	**1552**	**578**	**514**	**460**	
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	**1398**	506 (87.5%)	459 (89.3%)	433 (94.2%)	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	**132**	58 (10%)	50 (9.7 %)	24 (5.2%)	
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	**21**	13 (2.3%)	5 (1%)	3 (0.6%)	
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	**1**	1 (0.2%)	0	0	
II	**Số học viên chia theo học lực**	**1552**	**578**	**514**	**460**	
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	**162**	27 (4.7%)	35 (6.8%)	100 (21.7%)	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	**715**	190 (32.9%)	198 (38.5%)	327 (71.1%)	
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	**574**	291 (50.3%)	251 (48.8%)	32 (7%)	
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	**101**	70 (12.1%)	30 (5.9%)	1 (0.2%)	
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	**0**	0	0	0	
III	**Tổng hợp kết quả cuối năm**					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	**1552**	**578**	**514**	**460**	Kết quả năm học 2022-2023
a	Học viên giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	**162**	27 (4.7%)	35 (6.8%)	100 (21.7%)	Kết quả kỳ I 2022-2023
b	Học viên tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	**715**	190 (32.9%)	198 (38.5%)	327 (71.1%)	Kết quả kỳ I 2022-2023
2	Thi lại		-	-	-	Kết quả năm

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			Ghi chú
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp12	
	(tỷ lệ so với tổng số)					học 2022-2023
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	**0**	-	-	-	Kết quả năm học 2022-2023
4	Bỏ học (tỷ lệ so với tổng số)	**43**	**12/590** (2%)	**22/536** (4.1%)	**11/471** (2.3%)	
IV	**Số học viên dự xét hoặc thi tốt nghiệp**				**460**	
V	**Số học viên được công nhận tốt nghiệp**				**426**	
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)					
VI	**Số học viên thi đỗ đại học, cao đẳng** (tỷ lệ so với tổng số)				**257** (60.32%)	127 (ĐH) 130(CĐ)
VII	**Số học viên vào học các cơ sở GD nghề nghiệp khác** (tỷ lệ so với tổng số)				**110** (25.82%)	

BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG CĐXDCT ĐÔ THỊ

Biểu mẫu 15

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục
năm học 2023-2024

1. THÔNG TIN VỀ DIỆN TÍCH TRƯỜNG

STT	Công trình/Hạng mục	Đơn vị	Quy mô	Ghi chú
1	Tổng diện tích	m2	87239	
2	Diện tích công trình XD	m2	10930	
3	Diện tích cây xanh	m2	27960	
4	Diện tích khu thể thao, sân chơi	m2	4240	
5	Diện tích đường nội bộ	m2	44109	

2. THÔNG TIN VỀ PHÒNG HỌC

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	**Phòng học lý thuyết**			
1.1	Số lượng phòng học lý thuyết	Phòng	79	
1.2	Thiết bị trong phòng:			
	Bảng từ	Cái	79	
	Bàn ghế (1600x800x450x750mm)	Bộ	1290	
	Quạt trần	Bộ	344	
	Quạt treo tường	Bộ	86	
	Đèn	Bộ	516	
	Màn chiếu	Bộ	30	
	Màn hình ti vi	Bộ	16	
	Tủ đựng đồ cá nhân	Cái	20	
2	**Phòng học thực hành**			
2.1	**Phòng thực hành vật lý (50m2/phòng)**	**phòng**	**1**	
	Bàn ghế học sinh	Bộ	22	
	Bàn ghế giáo viên	Bộ	1	
	Bảng từ	Bái	1	
	Quạt trần Đèn	Cái Bộ	5 5	
	Biến áp nguồn	Cái	07	
	Bộ thu nhận số liệu	Bộ	02	
	Bộ thiết bị đo kĩ thuật số tích hợp	Bộ	07	
	Bộ thiết bị dạy học điện tử, mô phỏng môn Vật lí	Bộ	01	

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
	Dây nối	Bộ	07	
	Đồng hồ đo điện đa năng	Cái	07	
	Giá thí nghiệm	Bộ	07	
	Hộp quả treo	Hộp	07	
	Lò xo	Cái	07	
	Máy phát âm tần	Cái	07	
	Máy tính để bàn	Bộ	01	
	Máy chiếu	Bộ	01	
	Thiết bị đo độ dịch chuyển, tốc độ, vận tốc	Bộ	07	
	Thiết bị đo vận tốc và gia tốc của vật rơi tự do	Bộ	07	
	Thiết bị đo gia tốc	Bộ	07	
	Thiết bị tổng hợp hai lực đồng quy và song song	Bộ	07	
	Thiết bị khảo sát động lượng	Bộ	07	
	Thiết bị khảo sát năng lượng trong va chạm	Bộ	07	
	Thiết bị chứng minh định luật Hooke	Bộ	07	
	Con lắc lò xo, con lắc đơn.	Bộ	07	
	Thiết bị đo tần số sóng âm	Bộ	07	
	Thiết bị giao thoa sóng nước	Bộ	07	
	Thiết bị tạo sóng dừng	Bộ	07	
	Thiết bị đo tốc độ truyền âm	Bộ	07	
	Thiết bị thí nghiệm điện tích	Bộ	07	
	Thiết bị khảo sát nguồn điện	Bộ	07	
	Thiết bị khảo sát nội năng	Bộ	07	
	Thiết bị khảo sát truyền nhiệt lượng	Bộ	07	
	Thiết bị đo nhiệt dung riêng	Bộ	07	
	Thiết bị chứng minh định luật Boyle	Bộ	07	
	Thiết bị chứng minh định luật Charles	Bộ	07	
	Thiết bị tạo từ phổ	Bộ	07	
	Thiết bị xác định hướng của lực từ	Bộ	07	
	Thiết bị đo cảm ứng từ	Bộ	07	
	Thiết bị cảm ứng điện từ	Bộ	07	
	Thiết bị khảo sát đoạn mạch điện xoay chiều	Bộ	07	
	Thiết bị khảo sát dòng điện qua diode	Bộ	07	
	Thiết bị khảo sát dòng quang điện	Bộ	07	
	Video biến dạng và đặc tính của lò xo	Bộ	01	
	Bản đồ sao hoặc Phần mềm mô phỏng 3D	Bộ	01	
	Phần mềm 3D mô phỏng hệ Mặt Trời	Bộ	01	
	Phần mềm 3D mô phỏng Trái Đất, Mặt Trời, Mặt Trăng	Bộ	01	

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
	Phần mềm 3D mô phỏng nhật, nguyệt thực, thủy triều.	Bộ	01	
	Video/phần mềm 3D mô phỏng dao động	Bộ	01	
	Video về hình ảnh sóng	Bộ	01	
	Video về chuyển động của phần tử môi trường	Bộ	01	
	Video về điện thế	Bộ	01	
	Video/Phần mềm 3D về tụ điện trong cuộc sống	Bộ	01	
	Video về cường độ dòng điện.	Bộ	01	
	Phần mềm 3D mô phỏng cấu tạo của mạch điện	Bộ	01	
	Video/Phần mềm 3D về trường hấp dẫn và thế hấp dẫn	Bộ	01	
2.2	**Phòng thực hành hóa học (80m2/phòng)**	**phòng**	**1**	
	Bàn ghế học sinh	bộ	22	
	Bàn ghế giáo viên	bộ	1	
	Bảng từ	cái	1	
	Quạt trần	cái	5	
	Đèn	cái	5	
	Máy cất nước 1 lần	Cái	1	
	Cân điện tử	Cái	2	
	Tủ hút	Cái	1	
	Tủ đựng hóa chất	Cái	1	
	Máy chiếu	Cái	1	
	Máy tính để bàn	Bộ	1	
	Bộ thiết bị dạy học điện tử, mô phỏng môn Hóa học	Bộ	1	
	Bộ dụng cụ đo các đại lượng không điện	Bộ	2	
	Bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học	Tờ	1	
	Một số thao tác thí nghiệm hóa học	Bộ	1	
	Bộ mô phỏng 3D	Bộ	1	
	Thí nghiệm phản ứng nitro hoá benzene	Bộ	1	
	Thí nghiệm phản ứng thủy phân ethyl bromide (hoặc ethyl chloride)	Bộ	1	
	Thí nghiệm phản ứng điều chế ethyl acetate	Bộ	1	
	Thí nghiệm phản ứng xà phòng hóa chất béo	Bộ	1	
	Thí nghiệm phản ứng thủy phân celulose	Bộ	1	
	Thí nghiệm phần ứng thủy phân tinh bột	Bộ	1	
	Ống đong hình trụ 100ml	Cái	07	
	Bình tam giác 100ml	Cái	07	
	Cốc thủy tinh 250ml	Cái	07	
	Cốc thủy tinh 100ml	Cái	07	
	Cốc đốt	Cái	07	
	Ống nghiệm	Cái	50	

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
	Ống nghiệm có nhánh	Cái	20	
	Lọ thủy tinh miệng hẹp kèm ống hút nhỏ giọt	Bộ	25	
	Lọ thủy tinh miệng rộng	cái	20	
	Ống hút nhỏ giọt	cái	20	
	Ống dẫn thủy tinh các loại	Bộ	10	
	Bình cầu không nhánh đáy tròn	Cái	07	
	Bình cầu không nhánh đáy bằng	Cái	07	
	Bình cầu có nhánh	Cái	07	
	Phễu chiết hình quả lê	Cái	07	
	Phễu lọc thủy tinh cuống dài	Cái	07	
	Phễu lọc thủy tinh cuống ngắn	Cái	10	
	Đũa thủy tinh	Cái	07	
	Thìa xúc hoá chất	Cái	07	
	Đèn cồn	Cái	07	
	Bát sứ	Cái	07	
	Miếng kính mỏng	Cái	07	
	Bình Kíp tiêu chuẩn	Cái	2	
	Bộ dụng cụ thí nghiệm phân tích thể tích	Bộ	07	
	Kiềng 3 chân	cái	07	
	Lưới tản nhiệt	cái	07	
	Nút cao su không có lỗ các loại	Bộ	07	
	Nút cao su có lỗ các loại	Bộ	07	
	Ống dẫn	m	05	
	Muỗng đốt hóa chất	Cái	07	
	Kẹp đốt hóa chất cỡ lớn	Cái	07	
	Kẹp đốt hóa chất cỡ nhỏ	Cái	07	
	Kẹp ống nghiệm	Cái	14	
	Chổi rửa ống nghiệm	Cái	14	
	Panh gắp hóa chất	Cái	07	
	Bình xịt tia nước	Cái	07	
	Bộ giá thí nghiệm	Bộ	07	
	Giá để ống nghiệm	Cái	14	
	Khay mang dụng cụ và hóa chất	Cái	02	
	Khay đựng dụng cụ, hóa chất	Cái	07	
	Nhiệt kế rượu màu	Cái	07	
	Giấy lọc	Hộp	2	
	Giấy quỳ tím	Hộp	2	
	Giấy pH	Tệp	2	
	Giấy ráp	Tấm	7	

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
	Dũa 3 cạnh	Cái	7	
	Kéo cắt	Cái	7	
	Chậu nhựa	Cái	7	
	Áo khoác phòng thí nghiệm	Cái	45	
	Kính bảo vệ mắt không màu	Cái	45	
	Kính bảo vệ mắt có màu	Cái	45	
	Khẩu trang y tế	Hộp	3	
	Găng tay cao su	Hộp	3	
	Bình sục khí Drechsel	Cái	7	
	Mặt kính đồng hồ	Cái	7	
	Bộ thí nghiệm về nguồn điện hóa học	Bộ	7	
	Bộ điện phân dung dịch	Bộ	7	
	Bột sắt Fe, loại mịn có màu trắng xám	g	100	
	Băng magnesium (Mg)	g	100	
	Nhôm lá (Al)	g	100	
	Nhôm bột, loại mịn màu trắng bạc	g	100	
	Đồng vụn (Cu)	g	100	
	Đồng lá (Cu)	g	100	
	Kẽm viên (Zn)	g	100	
	Sodium (Na)	g	100	
	Lưu huỳnh bột (S)	g	100	
	Bromine lỏng (Br2)	ml	100	
	Iodine (I2)	g	100	
	Sodium hydroxide (NaOH)	g	500	
	Hydrochloric acid 37% (HCl)	ml	500	
	Sulfuric acid 98% (H2SO4)	ml	500	
	Nitric acid 65% (HNO3)	ml	100	
	Potassium iodide (KI)	g	100	
	Sodium floride (NaF)	g	100	
	Sodium chloride (NaCl)	g	100	
	Sodium bromide (NaBr)	g	100	
	Sodium iodide (NaI)	g	100	
	Calcium chloride (CaCI2.6H2O)	g	100	
	Iron (III) chloride (FeCl3)	g	100	
	Iron sulfate heptahydrate, (FeSO4.7H2O)	g	100	
	Potassium nitrate (KNO3)	g	100	
	Silver nitrate, (AgNO3)	g	30	
	Copper (II) sulfate, (CuSO4.5H2O)	g	100	
	Zinc sulfate(ZnSO4.7H2O)	g	100	

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
	Calcium carbonate (CaCO3)	g	100	
	Sodium carbonate, (Na2CO3.10H2O)	g	100	
	sodium hydrogen carbonate (NaHCO3)	g	100	
	Dung dịch ammonia bão hoà (NH3)	ml	100	
	Potassium permanganate, (KMnO4)	g	100	
	Potassium chlorate (KCIO3)	g	100	
	Sodium thiosulfate, (Na2S2O3)	g	100	
	Hydropeoxide 30% (H2O2)	ml	100	
	Phenolphtalein	g	10	
	Dầu ăn/ dầu dừa	ml	1000	
	Glucose (C6H12O6)	g	500	
	Ethanol 96° (C2H5OH)	ml	1000	
	Than gỗ	g	200	
	Cồn đốt	ml	2000	
	Dây phanh xe đạp	cái	2	
	Sodium acetate (CH3COONa)	g	100	
	Ammonium sulfate ((NH4)2SO4) hoặc Ammonium nitrate (NH4 NO3)	g	100	
	Hexane (C6H14)	ml	500	
	Calcium carbide (CaC2)	g	300	
	Benzene (C6H6)	ml	200	
	Toluene (C7H8)	ml	100	
	Chloroethane (C2H5CI)	ml	200	
	Glycerol (C3H8O3)	ml	300	
	Phenol (C6H5OH)	g	100	
	Ethanal (C2H4O)	ml	300	
	Acetic acid (CH3COOH)	ml	300	
	Saccharose (C12H22O11)	g	300	
	Tinh bột (starch), (C6H10O5)n	g	100	
	Methylamine (CH3NH2) hoặc Ethylamine (C2H5NH2)	ml	100	
	Aniline (C5H5NH2)	ml	100	
	Barium chlorid (BaCl2)	g	100	
	Aluminum potassium sulfate Dodecahydrate (KAl(SO4)2.12H2O)	g	100	
2.3	**Phòng thực hành sinh học (50m2/phòng)**	**phòng**	**1**	
	Bộ tranh ảnh dạy sinh học lớp 10	Bộ	1	
	Bộ tranh ảnh dạy sinh học lớp 11	Bộ	1	
	Bộ tranh ảnh dạy sinh học lớp 12	Bộ	1	
	Mô hình, mẫu vật dạy sinh học lớp 10	Bộ	1	

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
	Mô hình, mẫu vật dạy sinh học lớp 11	Bộ	1	
	Mô hình, mẫu vật dạy sinh học lớp 12	Bộ	1	
	Bộ thiết bị học theo chuyên đề lớp 10	Bộ	1	
	Bộ thiết bị học theo chuyên đề lớp 11	bộ	1	
	Bộ thiết bị học theo chuyên đề lớp 12	bộ	1	
	Bộ dụng cụ thí nghiệm lớp 10	bộ	7	
	Bộ dụng cụ thí nghiệm lớp 11	bộ	7	
	Bộ dụng cụ thí nghiệm lớp 12	bộ	7	
	Video, phim tài liệu lớp 10	Bộ	01/GV	
	Video, phim tài liệu lớp 11	Bộ	01/GV	
	Video, phim tài liệu lớp 12	Bộ	01/GV	
	Vườn thực hành sinh học	m2	200	
	Giàn thủy canh 4 giàn	m	120	
	Bàn ghế học sinh	bộ	40	
	Bàn ghế giáo viên	bộ	1	
	Bảng từ	cái	1	
	Quạt trần	bộ	5	
	Đèn	bộ	5	
	Máy chiếu, màn chiếu	bộ	1	
	Ống nghiệm	Ống	50	
	Giá để ống nghiệm	Cái	10	
	Đèn cồn	Cái	7	
	Cốc thủy tinh loại 250ml	Cái	7	
	Chổi rửa ống nghiệm	Cái	7	
	Kính hiển vi	Cái	7	
	Dao cắt tiêu bản	Cái	7	
	Ethanol 96°	ml	100	
	Lam kính	Hộp	7	
	Lamen	Hộp	7	
	Kim mũi mác	Cái	7	
	Cối, chày sứ	Cái	7	
	Đĩa Petri	Cái	7	
	Panh kẹp	Cái	7	
	Pipet	Cái	7	
	Đũa thủy tinh	Cái	14	

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
	Giấy thấm	Cuộn	9	
	Bộ đồ mổ	Bộ	7	
	Video về kĩ thuật làm tiêu bản NST tạm thời ở châu chấu	Video	01	
	Bình tia nước	Cái	5	
	Pipet nhựa	Cái	15	
	Đĩa đồng hồ	Cái	7	
	Kẹp ống nghiệm	Cái	7	
	Lọ kèm ống nhỏ giọt	Cái	7	
	Lọ có nút nhám	Cái	7	
	Quả bóp cao su	Cái	7	
	Bút viết kính	Cái	7	
	Cân kỹ thuật	Cái	2	
	Găng tay cao su	Hộp	2	
	Máy cất nước 1 lần	Bộ	1	
	Tủ hút	Cái	1	
	Tủ bảo quản kính hiển vi	Cái	1	
	Tủ bảo quản hóa chất	Cái	1	
	Cảm biến độ pH	Cái	7	
	Cảm biến độ ẩm	Cái	7	
	Bộ học liệu tử	Bộ	1	
	Bộ thu nhận số liệu	Cái	1	
2.4	**Thiết bị phòng học Ngữ Văn**			
	Bộ Tranh ảnh lớp 10	Tờ	01/GV	
	Bộ Tranh ảnh lớp 11	Tờ	01/GV	
	Bộ Tranh ảnh lớp 12	Tờ	01/GV	
	Video, Phim tài liệu lớp 10	Bộ	01/GV	
	Video, Phim tài liệu lớp 11	Bộ	01/GV	
	Video, Phim tài liệu lớp 12	Bộ	01/GV	
2.5	**Thiết bị phòng học Sử**			
	Bộ học liệu điện tử hỗ trợ GV lớp 10,11,12	Bộ	01/GV	
	Bản đồ Lược đồ lớp 10	Tờ	01/GV	
	Bản đồ Lược đồ lớp 11	Tờ	01/GV	

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
	Bản đồ Lược đồ lớp 12	Tờ	01/GV	
	Video, phim tài liệu lớp 10	Bộ	01/GV	
	Video, phim tài liệu lớp 11	Bộ	01/GV	
	Video, phim tài liệu lớp 12	Bộ	01/GV	
2.6	**Thiết bị phòng học môn Địa lý**			
	Bộ học liệu điện tử hỗ trợ giáo viên lớp 10,11,12	Bộ	01/GV	
	Bộ tranh ảnh lớp 10	Tờ	01/GV	
	Bộ tranh ảnh lớp 11	Tờ	01/GV	
	Bộ tranh ảnh lớp 12	Tờ	01/GV	
	Bản đồ/ lược đồ lớp 10	Tờ	01/GV	
	Bản đồ/ lược đồ lớp 11	Tờ	01/GV	
	Bản đồ/ lược đồ lớp 12	Tờ	01/GV	
	Video, phim tài liệu lớp 10	Bộ	01/GV	
	Video, phim tài liệu lớp 11	Bộ	01/GV	
	Video, phim tài liệu lớp 12	Bộ	01/GV	
2.7	**Phòng thực hành tin (50m2/phòng)**	**phòng**	**4**	
	Máy tính giáo viên	bộ	4	
	Máy tính học sinh	bộ	120	
	Máy chiếu, màn chiếu	bộ	4	
	Hệ thống mạng LAN	ht	4	
	Hệ thống điện	ht	4	
	Bàn vi tính + ghế học sinh	bộ	120	
	Bàn vi tính + ghế giáo viên	bộ	4	
	Bảng từ	cái	4	
	Quạt trần	bộ	20	
	Đèn	bộ	20	
2.8	**Phòng ngoại ngữ (50m2/phòng)**	**phòng**	**2**	
	Máy tính giáo viên	bộ	2	
	Máy tính học sinh	bộ	60	
	Hệ thống âm thanh cho lớp học: loa, micro, âm ly, headphone	ht	2	
	Hệ thống mạng LAN	ht	2	
	Máy chiếu, màn chiếu	bộ	2	
	Bàn ghế học sinh	bộ	60	
	Bàn ghế giáo viên	bộ	2	
	Bảng từ	cái	2	
	Quạt trần	bộ	10	

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
	Đèn	bộ	10	
2.9	**Phòng học kỹ năng mềm (150m2/phòng)**	**phòng**	**1**	
	Bàn, ghế giáo viên	bộ	1	
	Bàn ghế học sinh	bộ	30	
	Bảng từ	cái	1	
	Quạt	bộ	8	
	Đèn	bộ	8	
	Ti vi	bộ	1	
	Hệ thống âm thanh: loa, âm ly…	ht	1	
	Máy chiếu, màn chiếu	bộ	1	
	Tủ đề đồ cá nhân nhiều ngăn	cái	1	
	Bộ tranh ảnh minh họa	bộ	5	
3	**Xưởng thực hành**			
3.1	**Xưởng thực hành xây dựng**	**m2**	**900**	
	Ghế giáo viên	Cái	1	
	Bàn giáo viên	Cái	1	
	Tủ đựng đồ 24 ngăn	Cái	1	
	Máy chiếu	Bộ	1	
	Đầm dùi Trung quốc	cái	1	
	Đầm bàn	cái	1	
	Máy trộn vữa	cái	1	
	Máy trộn bê tông 150 lít	cái	1	
	Máy cắt gạch men (1 cái cắt thẳng+1 cắt đĩa)	cái	1	
	Máy mài hai đá	cái	1	
	Máy đầm dùi Nhật	cái	1	
	Đầm bàn điện 1 pha Trung quốc	cái	1	
	Bình ắc quy 12V-30AH	cái	1	
	Xe lu (Máy đầm lu)	cái	1	
	Máy cắt uốn liên hợp	cái	1	
	Máy cắt sắt	cái	1	
	Máy khoan đứng	cái	1	
	Máy mài 2 đá để bàn makita	cái	1	
	Máy cưa gỗ 2000 W Makita N5900 B	Cái	4	
	Máy bào gỗ cầm tay Makita N1900 B	Cái	2	
	Máy mài cầm tay100mm Makita 9553 B	Cái	1	
	Máy khoan cầm tay Bosch 650w GSB 13RE	Cái	1	
	Máy khoan bê tông BOSCH	Cái	2	
	Máy cưa gỗ cầm tay Makita, đường kính lưỡi cắt 185	Cái	2	

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
	Bàn nâng thủy lực 350 kg	Cái	4	
	Máy cân bằng tia Laser	Cái	2	
	Thước thuỷ điện tử đo góc 440mm – 225 độ	Cái	2	
	Thước thủy điện tử 600mm, thước đo góc nghiêng.	Cái	2	
	Bảng Flipchart	Cái	2	
	Máy buộc thép	Cái	2	
	Máy cắt gạch cầm tay Makita	Cái	4	
	Máy cắt gạch Gemini Revolution XT	Cái	2	
	Máy cắt gạch để bàn Rubi	Cái	3	
	Máy cắt Husqvarna TS 400 F	Cái	2	
	Máy cắt gạch Total TS6112501	Cái	2	
	Máy cắt bê tông	Cái	2	
	Máy cắt gỗ cầm tay	Cái	2	
	Máy cắt rãnh 5 lưỡi	Cái	2	
	Máy cắt thép cầm tay	Cái	2	
	Máy uốn cốt thép	Cái	2	
	Máy cưa gỗ cầm tay	Cái	2	
	Máy đầm cóc	Cái	1	
	Máy đầm dùi cầm tay	Cái	3	
	Máy đầm dùi	Cái	2	
	Máy đầm thước	Cái	2	
	Máy đục bê tông	Cái	1	
	Máy khoan bê tông	Cái	1	
	Máy khoan cầm tay	Cái	1	
	Máy phun bột bả	Cái	1	
	Máy phun vữa	Cái	1	
	Máy tời điện	Cái	1	
	Máy kinh vĩ	Cái	1	
	Máy cắt gạch trang trí	Cái	2	
3.2	**Xưởng thực hành hàn**	**m2**	**540**	
	Ghế giáo viên	Cái	1	
	Bàn giáo viên	Cái	1	
	Tủ đựng đồ 24 ngăn	Cái	1	
	Máy chiếu	Bộ	1	
	Máy cắt ống bằng hơi nửa tự động	cái	1	
	Máy hàn các loại	cái	22	

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
	Máy cắt khí ga PUG	cái	1	
	Tủ sấy que hàn	tủ	1	
	Bộ Thiết bị điều chỉnh tự động	bộ	2	
	Bình chữa cháy	bình	5	
	Chai khí	chai	6	
	Máy mài các loại	cái	5	
	Các thiết bị, công cụ, dụng cụ khác			
3.3	**Xưởng thực hành điện**	**m2**	**900**	
3.3.1	**Phòng thực hành Tự động hóa**			
	Bàn máy tính	Cái	24	
	Bộ máy tính để bàn	Bộ	25	
	Bàn giáo viên	Cái	1	
	Ghế giáo viên	Cái	1	
	Tủ đựng đồ 24 ngăn	Cái	1	
	Bàn điều khiển	Bàn	2	
	Máy thổi hơi nóng	cái	1	
	Thiết bị ép thuỷ lực đầu cốt thuỷ lực	cái	1	
	Bộ TN đo lường và điều khiển trên MT	bộ	1	
	Bàn lập trình PLC trên máy tính (NH-501C VN)	bộ	3	
	Bàn lập trình PLC bằng tay (NH-501B VN)	bộ	3	
	Mô hình rô bốt khí nén phân loại sản phẩm	bộ	1	
	Mô hình cửa tự động (NH-503C VN)	bộ	1	
	Mô hình thang máy 4 tầng (NH-502D VN)	bộ	1	
	Mô hình đèn tín hiệu giao thông (NH-506B VN)	bộ	1	
	Mô hình hệ thống điện trong dây truyền sản xuất	bộ	1	
	Bàn thực hành PLC MITSUBISHI	Bộ	10	
	Bộ thực hành PLC - Encoder - Thước quang	Bộ	2	
	Bàn thực hành Điện - Servo thủy lực -PLC Thước quang	Bộ	2	
	Bộ thực hành PLC Mitsubishi - Động cơ Servo	Bộ	8	
3.3.2	**Phòng thực hành Điện Kỹ thuật**			
	Ghế giáo viên	Cái	1	
	Bàn giáo viên	Cái	1	
	Tủ đựng đồ 24 ngăn	Cái	1	
	Máy chiếu	Bộ	1	
	Mô hình các khối vật thể	Bộ	2	
	Mô hình các loại mối lắp ghép	Bộ	2	
	Mô hình thực hành máy biến áp 1 pha cảm ứng	Bộ	12	

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
	Mô hình thực hành máy biến áp 1 pha tự ngẫu	Bộ	12	
	Mô hình thực hành máy biến áp 3 pha	Bộ	12	
	Giá để các mô đun thí nghiệm	Cái	5	
	Mô hình máy phát điện xoay chiều 1 pha	Bộ	2	
	Tủ điện	Bộ	6	
	Máy biến áp 3 pha	Cái	5	
	Bộ thực hành Pin năng lượng mặt trời	Bộ	2	
	Mô hình mạch điện một chiều	Bộ	12	
	Mô hình mạch điện xoay chiều một pha	Bộ	12	
	Mô đun thí nghiệm mạch điện xoay chiều	Bộ	12	
	Các bộ thí nghiệm điện 1 chiều, xoay chiều	bộ	9	
	Mô hình cắt bổ động cơ điện 1 pha.	bộ	1	
	Bộ thí nghiệm về động cơ và máy điện	bộ	11	
3.3.3	**Phòng thực hành Điện tử công suất**			
	Ghế giáo viên	Cái	1	
	Bàn giáo viên	Cái	1	
	Tủ đựng đồ 24 ngăn	Cái	1	
	Máy chiếu	Bộ	1	
	Bàn thực hành điện tử công suất	Bàn	10	
	Mô đun điều khiển công suất mạch xoay chiều 1 pha vòng kín	Bộ	10	
	Mô đun điều khiển công suất mạch xoay chiều 3 pha vòng kín	Bộ	10	
	Bộ thí nghiệm mạch nghịch lưu 3 pha.	Bộ	5	
	Máy đo hiện sóng	Cái	10	
	Máy phát xung EZ FG-6010D	Cái	10	
	Đồng hồ vạn năng	Cái	10	
	Bộ dụng cụ nghề điện cầm tay	Bộ	10	
	Dụng cụ bảo hộ lao động	Bộ	10	
	Bộ dụng cụ tháo lắp	Bộ	10	
3.3.4	**Phòng thực hành Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí**			
	Ghế giáo viên	Cái	1	
	Bàn giáo viên	Cái	1	
	Tủ đựng đồ 24 ngăn	Cái	1	
	Mô hình các khối vật thể	Bộ	2	
	Mô hình các loại mối lắp ghép	Bộ	2	
	Mô hình thực hành máy biến áp 1 pha cảm ứng	Bộ	12	
	Mô hình thực hành máy biến áp 1 pha tự ngẫu	Bộ	12	
	Mô hình thực hành máy biến áp 3 pha	Bộ	12	

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
	Giá để các mô đun thí nghiệm	Cái	5	
	Mô hình máy phát điện xoay chiều 1 pha	Bộ	2	
	Tủ điện	Bộ	6	
	Máy biến áp 3 pha	Cái	5	
	Bộ thực hành Pin năng lượng mặt trời	Bộ	2	
	Mô hình mạch điện một chiều	Bộ	12	
	Mô hình mạch điện xoay chiều một pha	Bộ	12	
	Mô đun thí nghiệm mạch điện xoay chiều 3 pha	Bộ	12	
	Mô hình máy nén Pitton cắt bổ	Bộ	1	
	Mô hình máy nén Rôto cắt bổ	Bộ	1	
	Mô hình máy nén nửa kín cắt bổ (hoạt động được)	Bộ	1	
	Mô hình máy nén hở cắt bổ	Bộ	1	
	Bộ thực hành máy nén hở	Bộ	1	
	Bộ thực hành máy nén xoắn ốc cắt bổ	Bộ	1	
	Cabin thực hành lắp đặt máy điều hòa	Bộ	4	
	Máy thu hồi môi chất lạnh	Cái	1	
	Tủ đựng dụng cụ	Cái	4	
	Bộ đồng hồ nạp gas	Bộ	4	
	Bộ hàn hơi	Cái	1	
	Máy khoan bàn	Cái	2	
	Máy mài 2 đá	Cái	2	
	Máy dò gas TIF 5050	Cái	2	
	Máy dò gas HLD -100	Cái	1	
	Máy bơm cao áp	Cái	2	
	Dụng cụ cầm tay nghề điện lạnh	Bộ	4	
	Máy khoan bê tông	Chiếc	4	
	Bơm cao áp phun nước	Chiếc	2	
	Bộ thử kín	Bộ	1	
	Mô hình kho lạnh	Chiếc	1	
	Bộ thực hành máy làm đá viên	Chiếc	1	
	Bộ thực hành hệ thống điều hòa không khí trung tâm Water Chiller	Chiếc	1	
	Mỏ hàn xung	Chiếc	10	
	Tủ đựng dụng cụ	Chiếc	3	
	Phông chiếu treo tường	Cái	2	
	Máy chiếu	Bộ	1	
3.4	**Xưởng thực hành nước**	*m2*	*400*	
	Máy ren ống ASADA beave R50	Cái	1	
	Máy nén khí	Cái	1	

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
	Tời lắp đặt ống các loại	Cái	2	
	Pa lăng lắp ống1,5 tấn	Cái	1	
	Kích thuỷ lực 2 tấn	Cái	1	
	Thiết bị ống kiểu cầm tay (Dưỡng 15,33)	Cái	04	
	Máy cắt ống các loại	Cái	3	
	Máy uốn ống các loại	Cái	2	
	Máy ren ống các loại	Cái	2	
	Máy khoan điện các loại	Cái	2	
	Máy bắt vít cầm tay Maktec 12V	Cái	02	
	Thiết bị uốn ống đồng D16	Cái	01	
	Tủ đựng dụng cụ di động	Cái	02	
	Dụng cụ kẹp nối phụ kiện ống PEX.	Cái	01	
	Phụ kiện chèn kẹp ống nối phụ kiện PEX.	Cái	01	
	Dụng cụ loe, nối ống PEX. Model: w/1/2, 3/1&1	Cái	01	
	Đồng hồ các loại	Cái	8	
	Máy bơm nước (mô hình)	Cái	1	
	Và các thiết bị, công cụ, dụng cụ khác			
	Bộ máy hàn MAG XD350SII	Bộ	2	
	Máy hàn TIG ACCUTIG 300P	Bộ	2	
	Mỏ cắt khí Gas Myoung shin Model MS207	Bộ	2	
	Đồng hồ đo khí Gas	Bộ	2	
	Đồng hồ đo khí CO2	Bộ	2	
	Đồng hồ đo khí Argon- Renown	Bộ	2	
	Mũ bảo hộ hàn	Cái	2	
	Máy hàn ống uPVC	Cái	5	
	Đồng hồ xo điện tử - chân đế	Bộ	2	
	Dao cắt ống nhựa loại to (Ø 90-110)	Cái	2	
	Pa lăng xích (3T)	Cái	2	
	Bàn nâng thủy lực	Cái	2	
	Giá để dụng cụ (loại có bánh xe)	Cái	3	
3.5	**Xưởng thực hành ô tô**	**M2**	**540**	
	Mô hình cắt bổ động cơ xăng 4 kỳ	Bộ	1	
	Động cơ diezen 4 kỳ (tháo lắp)	Bộ	1	
	Mô hình bơm cao áp PE cắt bổ	Bộ	1	
	Máy khởi động (cắt bổ)	Bộ	1	
	Hệ thống cung cấp nhiên liệu động cơ xăng dùng chế	Bộ	1	

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
	hòa khí (tháo rời)			
	Hộp số cơ khí (tháo lắp)	Bộ	1	
	Mô hình cắt bổ động cơ Diesel 4 kỳ	Bộ	1	
	Động cơ xăng 4 kỳ 4 xy lanh (tháo lắp)	Bộ	1	
	Mô hình bơm cao áp VE cắt bổ	Bộ	1	
	Mô hình hệ thống đánh lửa điện tử có tiếp điểm	Bộ	1	
	Hệ thống truyền lực	Bộ	1	
	Ô tô 4 chỗ	Chiếc	1	
3.6	**Xưởng thực hành nhà hàng khách sạn**	**m2**	**450**	
	Quầy Bar	Chiếc	01	
	Ghế phòng Bar	Chiếc	40	
	Bàn phòng Bar	Chiếc	10	
	Máy làm lạnh nước sinh tố	Chiếc	01	
	Tủ mát Sanaky	Chiếc	01	
	Máy bào đá NaKaTa BH20	Chiếc	01	
	Máy ép trái cây PANASONIC MJ-DJ 01SRA	Chiếc	01	
	Máy xay sinh tố Philips	Chiếc	3	
	Máy vắt cam Philips HR2738	Chiếc	2	
	Máy ép hoa quả chậm HUROM HU-19SGM	Chiếc	1	
	Máy đánh trứng Philips HR3705 - 300W	Chiếc	2	
	Ấm đun nước siêu tốc Philips HD9350/90	Chiếc	3	
	Cân điện tử Timer Scale	Chiếc	2	
	Khăn lau ly Vietnam Airlines, KT55x45cm	Chiếc	20	
	Khăn phục vụ Vietnam Airlines, KT55x45cm	Chiếc	20	
	Tạp dề ngắn ngang hông, chất liệu Kaki	Bộ	4	
	Boston shaker (hai đáy), chất liệu bằng Inox, chiều cao 17.3cm, đường kính miệng 9.3cm; dung tích 840ml, xuất xứ Trung Quốc	Bộ	4	
	Bình lắc (Standard shaker) inox , 550ml, xuất xứ Trung Quốc	Chiếc	4	
	Phin cà phê cá nhân, chất liệu bằng nhôm, xuất xứ Việt Nam	Chiếc	6	
	Phin cà phê 2 lạng, chất liệu bằng nhôm, xuất xứ Việt Nam	Chiếc	1	
	Ép nước chanh, chất liệu bằng inox (loại 1), xuất xứ Trung Quốc	Chiếc	2	
	Ca sữa nhỏ, chất liệu bằng inox (loại 1), 350ml, xuất xứ Trung Quốc	Chiếc	2	
	Ca sữa trung, chất liệu bằng inox, 550ml, xuất xứ	Chiếc	2	

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
	Trung Quốc			
	Ca sữa to, chất liệu bằng inox, 900ml, xuất xứ Trung Quốc	Chiếc	2	
	Rây lọc, chất liệu bằng inox, KT 10 cm, xuất xứ Trung Quốc	Cái	2	
	Rây lọc, chất liệu bằng inox, KT 14 cm, xuất xứ Trung Quốc	Cái	2	
	Lược đá (Strainer, loại 1), chất liệu bằng inox KT15x11.5cm, xuất xứ Trung Quốc	Chiếc	2	
	Jigger đong nguyên liệu, chất liệu bằng 25/50, xuất xứ Trung Quốc	Chiếc	2	
	Gắp trang trí/gắp đường (lemon stongs) dài11cm, chất liệu bằng inox, xuất xứ Trung Quốc	Chiếc	5	
	Gắp đá inox dài 22cm, xuất xứ Trung Quốc	Chiếc	2	
	Khui hộp đa năng, chất liệu bằng inox, KT19.5x4.6cm, 216gr, xuất xứ Trung Quốc	Chiếc	1	
	Xúc đá inox cỡ to, xuất xứ Trung Quốc	Chiếc	2	
	Thìa bar hai đầu đen, chất liệu bằng inox, dài 35cm, xuất xứ Trung Quốc	Chiếc	5	
	Thìa bar giọt lệ đồng, chất liệu bằng inox, dài 35cm, xuất xứ Trung Quốc	Chiếc	2	
	Muỗng cà phê, chất liệu bằng inox, cán dài 18cm, xuất xứ Trung Quốc	Chiếc	8	
	Dao thái hoa quả KIWI, chất liệu bằng thép không gỉ, xuất xứ Thái Lan	Chiếc	8	
	Dao cắt tỉa dài 17cm chất liệu bằng thép không gỉ, xuất xứ Thái Lan	Chiếc	3	
	Kéo, chất liệu bằng thép không gỉ, xuất xứ Trung Quốc	Chiếc	3	
	Thìa cà phê lớn 12cm, chất liệu bằng inox, xuất xứ Trung Quốc	Chiếc	8	
	Thìa cà phê gân 8cm, chất liệu bằng inox, xuất xứ Trung Quốc	Chiếc	8	
	Xô đá + chân đỡ, chất liệu bằng inox 304, cao 87cm, xuất xứ Trung Quốc	Chiếc	3	
	Tách trà cà phê + đĩa kê sứ trắng 350ml, xuất xứ Trung Quốc	Bộ	14	
	Hũ đường + thìa sứ CK	Chiếc	4	
	Rót sữa trung	Chiếc	4	
	Ấm trà pha trà dẹt to	Chiếc	2	
	Tách trà sứ trắng CK	Cặp	12	
	Ly Cà phê (sweet bell hi-ball) 245ml, xuất xứ Thái Lan	Bộ	2	
	Ly tall hi-ball 320ml, xuất xứ Thái Lan	Bộ	2	

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
	Ly Pilsner 315ml, xuất xứ Thái Lan	Bộ	2	
	Ly Hurricane 450ml, xuất xứ Thái Lan	Bộ	2	
	Ly Poco thổ	Bộ	2	
	Ly eo	chiếc	5	
	Lọ hình tam giác	chiếc	5	
	Cốc Ro312	Bộ	1	
	Lọ nhựa 16cm (250ml), xuất xứ Việt Nam	Chiếc	5	
	Cây rửa ly HD-48 kích thước 180*95*190mm, xuất xứ Việt Nam	Bộ	2	
	Chày dầm (muddler) nhựa, dài 25cm, xuất xứ Trung Quốc	Cái	3	
	Khay tròn phục vụ 35cm, xuất xứ Trung Quốc	Cái	3	
	Thớt 30x40 cm nhựa trắng, xuất xứ Trung Quốc	Cái	2	
	Thùng đá 24 lít	Cái	2	
	Bình siro 2L	Cái	2	
	Bình đựng nguyên liệu (cỡ trung), Thái Lan	Chai	3	
	Bình đựng nguyên liệu (cỡ bé), Thái Lan	Chai	3	
	Chai tập lắc bốn màu	Cái	4	
	Lọ tăm trang trí	Gói	1	
	Bộ lau nhà 360 độ	Bộ	2	
	Thảm bar dài (mat bar) dài 60cm rộng 8cm cao su, xuất xứ Trung Quốc	Chiếc	3	
	Thảm bar chữ nhật dài 45ml rộng 30cm cao su, xuất xứ Trung Quốc	Chiếc	3	
3.6.2	**Thực hành nghiệp vụ Bàn**			
	Bàn thực hành	Chiếc	30	
	Ghế gỗ	Chiếc	180	
	Ti vi 55 ink	Chiếc	1	
	Ly vang đỏ Diva Red Wine, 300 ml, xuất xứ Thái Lan	Bộ	4	
	Ly vang trắng Diva White Wine, 250ml, xuất xứ Thái Lan	Bộ	4	
	Ly sâm panh Madison Flute Champagne, 210ml, xuất xứ Thái Lan	Bộ	4	
	Ly bia (Classic Beer), 420ml, xuất xứ Thái Lan	Bộ	4	
	Ly cognac (Madison Cognac), 350ml, xuất xứ Thái Lan	Bộ	4	
	Ly rượu mùi, 195ml, xuất xứ Thái Lan	Bộ	4	
	Ly kem, 250ml, thủy tinh cao cấp, xuất xứ Trung Quốc	Bộ	1	
	Bình nước lọc, 1.5 lít, thủy tinh cao cấp, xuất xứ	Cái	3	

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
	Trung Quốc			
	Bình lắng rượu vang, 1.25 lít, thủy tinh cao cấp, xuất xứ Trung Quốc	Cái	3	
	Khay đựng khăn bông, 13x7 cm, sứ CK, xuất xứ Việt Nam	Cái	24	
	Lọ tiêu muối tăm, 50 ml, sứ CK, xuất xứ Việt Nam	Cái	6	
	Bộ tách trà (gồm: 1 ấm, 6 tách trà) sứ CK, xuất xứ Việt Nam	Bộ	3	
	Bình đường, 100 ml, sứ CK, xuất xứ Việt Nam	Cái	3	
	Bình sữa, 100 ml, sứ CK, xuất xứ Việt Nam	Cái	3	
	Thuyền xốt + lót, 300 ml, xứ CK, xuất sứ Việt Nam	Cái	3	
	Vịt lọ đựng nước mắm, 50 ml, sứ CK, xuất xứ Việt Nam	Cái	3	
	Bát ăn cơm, 10 cm, sứ CK, xuất sứ Việt Nam	Cái	200	
	Bộ dao thìa dĩa ăn chính, kích thước 21 cm, inox cao cấp, xuất xứ Việt Nam	Bộ	24	
	Bộ dao, thìa, dĩa salad, dài 19 cm, inox cao cấp, xuất xứ Việt Nam	Bộ	24	
	Bộ dao dĩa ăn cá, dài 19 cm, inox cao cấp, xuất xứ Việt Nam	Bộ	24	
	Bộ dao, thìa, dĩa tráng miệng, 16 cm, inox cao cấp, xuất xứ Việt Nam	Bộ	24	
	Dao phết bơ, dài 18 cm, inox cao cấp, xuất xứ Việt Nam	Cái	24	
	Thìa xúp âu inox cao cấp, dài 15 cm, xuất xứ Việt Nam	Cái	24	
	Thìa trà, café, dài 13 cm, inox cao cấp, xuất xứ Việt Nam	Cái	24	
	Muôi múc súp và xốt, dài 19 cm, inox cao cấp, xuất xứ Việt Nam	Cái	6	
	Kẹp càng cua, dài 15.5 cm, inox cao cấp, xuất xứ Việt Nam	Cái	3	
	Gắp ốc, inox cao cấp, xuất xứ Việt Nam	Cái	3	
	Bình cà phê, 2 lít, xuất xứ Trung Quốc	Cái	3	
	Bình trà, 2 lít, xuất xứ Trung Quốc	Cái	3	
	Khăn lau ly, 60x50 cm cottot hàng cao cấp Việt Nam	Cái	30	
	Khăn lau bàn, 60x50 cm, cotton 100%, xuất sứ Trung Quốc	Cái	30	
	Khăn ăn đỏ, 50x50 cm, cotton hàng cao cấp Việt Nam	Cái	30	
	Khay phục vụ tròn – Phadin Coffee, đường kính 27 cm, chất liệu nhựa cao cấp, xuất xứ Việt Nam	Cái	3	
	Khay chữ nhật, 40x30 cm, chất liệu nhựa cao cấp, xuất xứ Việt Nam	Cái	3	

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
	Đũa ăn nâu dài, 30cm, chất liệu nhựa cao cấp, xuất xứ Việt Nam	Đôi	200	
	Dụng cụ mở bia, rượu vang, dài 17cm, inox cao cấp, xuất xứ Trung Quốc	Cái	6	
	Bộ xô đựng đá kèm chân đế, dung tích 3 lít, inox cao cấp, xuất xứ Trung Quốc	Bộ	3	
	Xe đẩy phục vụ 3 tầng, D90xR60xC100 cm , chất liệu inox, xuất xứ Việt Nam	Cái	3	
	Cây lau nhà, nhãn hiệu Spinmop, xuất xứ Thái lan	Cái	2	
	Bộ hót rác + chổi, xuất xứ Trung Quốc	Bộ	2	
	Thùng rác bật, 50 lít, xuất xứ Trung Quốc	Cái	2	
	Lọ hoa một bông, xứ cao cấp Việt Nam	Cái	3	
	Đĩa sứ 16 cm, sứ CK, xuất xứ Việt Nam	Cái	20	
	Đĩa sứ 18 cm, sứ CK, xuất xứ Việt Nam	Cái	30	
	Đĩa sứ 20 cm, sứ CK, xuất xứ Việt Nam	Cái	24	
	Đĩa sứ 22 cm, sứ CK, xuất xứ Việt Nam	Cái	12	
	Đĩa sứ 25 cm, sứ CK, xuất xứ Việt Nam	Cái	24	
	Đĩa sứ 30 cm, sứ CK, xuất xứ Việt Nam	Cái	30	
	Đĩa sâu lòng 23 cm, sứ CK, xuất xứ Việt Nam	Cái	36	
	Đĩa vuông lòng, 24x24 cm, sứ CK, xuất xứ Việt Nam	Cái	36	
	Đĩa xoài 26 cm, sứ CK, xuất xứ Việt Nam	Cái	36	
	Bát to 8K, 18 cm, sứ CK, xuất xứ Việt Nam	Cái	36	
	Bát súp quai, 15 cm, sứ CK, xuất xứ Việt Nam	Cái	24	
	Bát súp Á, 10 cm, sứ CK, xuất xứ Việt Nam	Cái	24	
	Âu súp, âu cơm, 15cm, sứ CK, xuất xứ Việt Nam	Cái	24	
	Bát nước mắm, 7 cm, sứ CK, xuất xứ Việt Nam	Cái	24	
	Thìa sứ, 12 cm, sứ CK, xuất xứ Việt Nam	Cái	100	
	Gối kê đũa thìa, sứ CK, xuất xứ Việt Nam	Cái	50	

3. KHỐI VĂN PHÒNG PHỤC VỤ DẠY VÀ HỌC

STT	Hạng mục	Đơn vị	Quy mô	Ghi chú
1	Nhà điều hành	m2	5497	
2	Nhà ăn	m2	848	
3	Ký túc xá (1400m2)	chỗ ở	400	
4	Nhà xe	m2	350	
5	Công trình vệ sinh	m2	120	

STT	Hạng mục	Đơn vị	Quy mô	Ghi chú
6	Hệ thống thoát nước	m	1288	
7	Hệ thống cấp nước	m3/ngđ	800	
8	Máy tính nối mạng	Bộ	300	
9	Máy in	Bộ	40	
10	Điều hòa	Bộ	120	
11	Máy điện thoại bàn	Bộ	25	
12	Máy chiếu	Bộ	30	
13	Máy tính xách tay	Bộ	40	
14	Màn chiếu	Bộ	30	

4. KHU Y TẾ

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Diện tích	m2	50	
2	Thiết bị y tế			
	Giường bệnh nhân	Cái	2	
	Tủ đầu giường	Cái	2	
	Bàn khám bệnh	Cái	1	
	Đèn khám	Cái	1	
	Ống nghe	Cái	1	
	Nhiệt kế	Cái	5	
	Cân đo sức khỏe	Cái	1	
	Máy đo huyết áp	Cái	1	
	Bảng đo thị lực	Cái	1	
	Bơm kim tiêm	Hộp	2	
	Hộp inox, khay đựng	Cái	2	
	Tủ lạnh	Cái	1	
	Găng tay	Hộp	2	
	Cồn iode	Lọ	100	
	Cồn 70 độ	Lọ	100	
	Ôxy già	Lọ	100	
	Kéo, kẹp	Cái	10	
	Bông gạc y tế	Gói	200	
	Đè lưỡi gỗ	Hộp	5	
	Túi chườm nóng lạnh	Cái	1	
	Băng dính y tế, băng urgo	Hộp	20	
	Bộ bóp bóng hồi sức	Bộ	1	
	Túi y tế	Cái	1	
	Tủ thuốc	Cái	1	

STT	Hạng mục	Đơn vị	Quy mô	Ghi chú
	Thuốc kháng sinh	Hộp	100	
	Thuốc cảm cúm	Hộp	100	
	Men tiêu hóa	Hộp	100	
	Thuốc đau bụng	Hộp	100	
	Một số loại thuốc thông thường khác	Hộp	100	
	Dầu gió các loại	Hộp	100	

5. THƯ VIỆN

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Diện tích	m2	300	
2	Tổng số sách	Quyển	10153	
3	Máy tính tra cứu	Bộ	10	

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Ghi chú
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Trình độ khác	
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	**172**	**04**	**93**	**58**	**11**	**03**	**03**	
I	**Giáo viên** Trong đó số giáo viên dạy môn:	**118**	**01**	**64**	**45**	**8**			
1	Toán	10		05	05				
2	Lý	06		02	04				
3	Hóa	06		02	04				
4	Ngữ Văn	09	01	01	07				
5	Sinh học	04			04				
6	Lịch sử	04		01	03				
7	Địa lý	04		02	02				
8	Ngoại ngữ	07		03	04				
9	Các giáo viên bộ môn khác và giáo viên dạy nghề	68	0	48	12	08	0	0	
II	**Cán bộ quản lý**	**29**	**3**	**25**	**01**				
1	Hiệu trưởng	01		01					
2	Phó hiệu trưởng	02	01	01					
3	Cán bộ quản lý khác	26	02	23	01				
III	**Nhân viên**	**25**		**04**	**12**	**03**	**03**	**03**	
1	Nhân viên văn thư	01			01				
2	Nhân viên kế toán	02		01	01				
3	Thủ quỹ	01				01			
4	Nhân viên y tế	02					01	01	
5	Nhân viên thư viện	01			01				
6	Nhân viên khác	18		03	09	02	02	02	